

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 98/2020/DS-PT

Ngày 18/5/2020.

Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung và bà Lê Thị Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020. về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo bị kháng cáo theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐPT- DS ngày 15/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2020/QĐ – TA ngày 28/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức L., sinh năm 1981. Địa chỉ: Buôn T ùng Tánh, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn x, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông Lê Vĩnh T. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Bảo Tr. – Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ông L. và bà Nguyễn Thị Bảo Tr. có quan hệ bạn bè. Trong quá trình quen biết nhau bà Tr. có vay tiền ông L. để chuộc lại vàng đang cầm cố. Sau đó ông L. có nhờ bạn ông L. chuyển cho bà Tr. để bà Tr. chuộc vàng về: Cụ thể vào ngày nào ông L. không nhớ ông L. có nhờ chị Nguyễn Thị Th chuyển vào tài khoản của ông Lê Vĩnh Tiến với số tiền 10.000.000đồng và sau đó một ngày ông L. tiếp tục nhờ chị Lê Thị Th chuyển số 10.000.000đồng cho ông Lê Vĩnh Tiến để nhờ chuyển cho bà Tr.. Khi chuyển tiền cho bà Tr. giữa ông L. và bà Tr. không thỏa thuận về lãi suất và cũng không thỏa thuận trả thời gian trả chỉ nói khi nào bà Tr. có tiền sẽ hoàn trả lại cho ông L.. Sau đó ông L. có yêu cầu bà Tr. trả ông L. số tiền 20.000.000 đồng nêu trên nhưng bà Tr. nói không vay mượn vì không có giấy tờ. Hiện nay ông L. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tr. trả cho số tiền 20.000.000đồng cho ông L. và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn trình bày:

Bà Tr. và ông Nguyễn Đức L. có quen biết với nhau từ giữa năm 2019. Khi đó bà Tr. đã ly hôn chồng nên giữa bà Tr. và ông L. có quan hệ tình cảm với nhau sau đó có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng trong khoảng thời gian bốn tháng. Bà Tr. có nói với ông L. dạo này khó khăn, nên ông L. có nói dẫn bà Tr. đi mua vàng, làm gì đó cho bà Tr. để tạo lòng tin nhưng bà Tr. không cần rồi ông L. có nói để ông L. nhờ người chuyển tiền cho bà Tr. tiêu xài. Do bà Tr. không có tài khoản nên có nói ông L. chuyển vào tài khoản ông Lê Vĩnh T hàng xóm nhà bà Tr. có số tài khoản 5224109913209. Vào ngày 24/6/2019 ông L. nhờ chị Nguyễn Thị Th chuyển cho bà Tr. số tiền 10.000.000 đồng, và đến ngày 25/6/2019 ông L. tiếp tục nhờ chị Lê Thị Th chuyển 10.000.00 đồng có bà Tr., tất cả số tiền trên được chuyển vào tài khoản của ông Lê Vĩnh T. Bà quen biết sơ sơ bà Lê Thị Th Th, còn bà Nguyễn Thị Th thì bà Tr. không quen biết. Sau đó, bà Tr. có nói ông Tiến rút tiền 20.000.000 đồng, khoản 5 ngày đến 1 tuần ông Tiến đưa bà Tr. số tiền 20.000.000đồng. Số tiền này bà Tr. tiêu xài hết do nghĩ ông L. gửi cho bà Tr. số tiền này để tiêu xài. Ông L. nói tiền này do bà Tr. vay mượn là không đúng vì giữa bà Tr. và ông L. có mối quan hệ tình cảm, chung sống với nhau như vợ chồng, trong thời gian chung sống ông L. có đi làm ăn xa nên gửi tiền về cho chị Tr. mua vật dụng sinh hoạt cũng như quần áo cho hai con của ông L.. Chứng cứ để chứng minh không thể cung cấp được cho Tòa án vì ông L. và bà Tr. chỉ nói chuyện trực tiếp qua điện thoại do ông L. không biết chữ nên bà Tr. không có tin nhắn hay ghi âm chứng minh việc ông L. gửi số tiền 20.000.000 đồng này cho bà Tr. để tiêu xài, không phải do vay mượn tiền.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà Gái và bà Nguyễn Thị Bảo Tr. có quen biết nhau. Đến khoảng giữa tháng 4, tháng 5 bà Tr. có hỏi mượn tiền bà, bà định cho bà Tr. mượn. Nhưng sau đó bà Gái về hỏi ý kiến chồng bà thì chồng bà không đồng ý nên bà Gái không cho bà Tr. vay số tiền 20.000.000đ. Ông L. có nói với bà Gái, ông L. cho bà Tr. mượn số tiền này để bà Tr. xoay xở do bà Tr. đang cần tiền. Việc vay mượn của ông L. và bà Tr. thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất như thế nào thì bà không biết.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Vợ chồng ông T có biết và Nguyễn Thị Bảo Tr.. Trong quá trình quen biết và Tr. có hỏi vợ chồng ông T để vay tiền nhưng do số tiền lớn nên vợ chồng ông Toàn không cho mượn. Sau đó, bà Tr. có hỏi mượn ông Nguyễn Đức L. số tiền 20.000.000đồng. Sau khi cho bà Tr. mượn tiền ông L. và vợ chồng Toàn có xuống nhà yêu cầu bà Tr. trả thì bà Tr. có hẹn đến ngày 19/6/2019 âm lịch sẽ trả. Nhưng đến ngày hẹn trả bà Tr. nói với vợ chồng ông Toàn giấy tờ vay đâu và không chịu trả số tiền nợ 200.000.000đ cho ông L.. Còn việc vay mượn và Thỏa thuận cụ thể giữa ông L. và bà Tr. như thế nào tôi không biết.

Người làm chứng ông Lê Vĩnh T trình bày:

Ông T là hàng xóm của bà Nguyễn Thị Bảo Tr., ông không quen biết gì ông Nguyễn Đức L.. Do là hàng xóm nên nhiều lần bà Tr. có mượn số tài khoản của ông để nhận tiền người khác chuyển về, đồng thời cũng thấy có một thời gian ông L. và bà Tr. chung sống với nhau như vợ chồng, bà Tr. có chăm sóc, nuôi dưỡng hai đứa con của ông L.. Bà Tr. mua bán và nhờ chuyển tiền nhiều lần nên ông không nhớ rõ có rút tiền và đưa cho bà Tr. số tiền 20.000.000 đồng hay không. Ông cũng không nhớ số tiền đó ai chuyển và chuyển vì mục đích gì. Hiện nay ông Nguyễn Đức L. khởi kiện yêu cầu bà Tr. trả số tiền 20.000.000 đồng ông không liên quan gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức L.. Buộc bà Nguyễn Thị Bảo Tr. trả cho ông Nguyễn Đức L. số tiền 20.000.000đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 13/12/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo Tr. kháng cáo với nội dung là bà thừa nhận có nhận của ông L. 20.000.000 đồng, nhưng tiếp tục cho rằng đây không phải là khoản tiền vay mà là tiền chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, mua sắm quần áo cho hai người con của ông L. trong thời gian hai người chung sống như vợ chồng;

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày như tại cấp sơ thẩm và nội dung kháng cáo, tiếp tục khẳng định: số tiền 20.000.000 đồng đã chi phí hết trong thời gian nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng khoảng 4 tháng, đồng thời chi phí nuôi dạy hai người con riêng của nguyên đơn khi hai người chung sống chung.

Nhân chứng ông Lê Vĩnh T tiếp tục trình bày như tại cấp sơ thẩm, thống nhất như trình bày của nguyên đơn, cho rằng: Ông L. và bà Tr. chung sống với nhau như vợ chồng khoảng 4 tháng trong năm 2019, bà Tr. có công chăm sóc, nuôi dưỡng hai đứa con của ông L..

Nguyên đơn là ông L. đã được tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án cấp phúc thẩm phải xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức: Kháng cáo của bà Tr. trong thời hạn luật định. Bà Tr. đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Đức L. yêu cầu bà Nguyễn Thị Bảo Tr. trả cho ông L. số tiền 20.000.000 đồng là không có cơ sở vì giữa ông L. và bà Tr. có mối quan hệ tình cảm, xác định tiến tới hôn nhân trong quá trình tình hiểu thì ông L. và bà Tr. có chung sống với nhau như vợ chồng. Ông L. và cùng với hai người con của ông L. chuyển về ăn ở, sinh hoạt hàng ngày tại nhà bà Tr. được bốn tháng, trong thời gian này ông L. có chuyển khoản cho bà Tr. 20.000.000 đồng là để trang trải cuộc sống hàng ngày của bố con ông L. không phải tiền vay mượn. Vì vậy không có căn cứ để xác định việc vay mượn giữa ông L. với bà Tr.. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bảo Tr. – Sửa bản án sơ thẩm số 73/2019/DS – ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức L..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 20.000.000 đồng và cung cấp 02 giấy sao kê chuyển tiền ngân hàng cụ thể như sau: vào các ngày 24/6/2019 ông L. nhờ chị Thủy chuyển 10.000.00đ và đến ngày 25/6/2019 ông L. nhờ chị T T chuyển 10.000.00đ chuyển vào số tài khoản 5224109913209 của ông Lê Vĩnh T. Vì bà Tr. không có tài khoản trong ngân hàng nên nhờ ông L. chuyển tiền vào tài khoản của ông Tiến. Ông T đã đưa số tiền 20.000.000đ này cho bà Tr.. Bà Tr. cũng thừa nhận mình có nhận 20.000.000 từ ông L. thông qua chuyển tiền vào tài khoản của ông Tiến. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: bị đơn đã nhận từ nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn:

Bị đơn khai: Nguyên đơn chuyển tiền là vì có quan hệ tình cảm với nhau do bà G em của ông L. giới thiệu. Trong quá trình tìm hiểu để tiến tới hôn nhân thì giữa ông L. và bà Tr. có chung sống với nhau như vợ chồng được bốn tháng thì trong khoảng thời gian này thấy do không hợp nên ông L. và bà Tr. không thể đi đến hôn nhân. Trong thời gian chung sống như vợ chồng, ông L. có dẫn hai người con riêng của ông L. đến nhà bà Tr. ăn ở và sinh hoạt hàng ngày. Tại đây, bà Tr. đã dùng số tiền ông L. đưa nói trên trang trải cuộc sống chung của hai người, cũng như mua quần áo, chi phí sinh hoạt ăn uống cho hai người riêng của ông L. trong khoảng 4 tháng năm 2019.

Nhân chứng ông Lê Vĩnh Tiến khai: Thống nhất như lời khai của bị đơn, thừa nhận thấy ông L. và bà Tr. có chung sống với nhau như vợ chồng khoảng 4 tháng trong năm 2019. Bà Tr. có chăm sóc hai đứa con của ông L. tại nhà của bà Tr. vì ông sống gần nhà bà Tr. nên biết mọi chuyện nhà bà Tr..

Nguyên đơn là ông L. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án cấp phúc thẩm phải xét xử vắng mặt nguyên đơn. Do vậy ông L. đã mặc nhiên từ bỏ quyền, nghĩa vụ để đối chất, tranh tụng với lời khai của bị đơn và nhân chứng tại phiên tòa phúc thẩm. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông L. cũng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới.

Vì những lý do nêu trên, lời khai của bị đơn và nhân chứng ông Lê Vĩnh T là trùng khớp, phản ánh sự thật khách quan của vụ án: Bị đơn có nhận 20.000.000 đồng từ nguyên đơn nhưng đây không phải là tiền vay mượn thông thường mà lý do nhận tiền là hai người có quan hệ tình cảm yêu đương, quan hệ chung sống như vợ chồng trong khoảng thời gian 4 tháng trong năm 2019. Số tiền này bị đơn đã chi phí hết cho cuộc sống chung như vợ chồng của hai người và chi phí sinh hoạt, chăm sóc cho 2 người con riêng của nguyên đơn. Do vậy lời trình bày của bị đơn là có cơ sở, cần chấp nhận.

Từ nhận định trên xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 73/2019/DS – ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo,

Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần sửa phần án phí cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn - bà Nguyễn Thị Bảo Tr., sửa Bản án sơ thẩm số 73/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 148 bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức L. về việc yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bảo Tr. phải trả số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Về án phí:

Ông Nguyễn Đức L. phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 500.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số AA/2019/0001051 ngày 17/9/2020. Ông L. tiếp tục phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị Bảo Tr. không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0001345 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, .

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Phương